

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên và bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/ 2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị **Hoàng Thị L** – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn H** – Sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 10, thôn Ph, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị Th – Sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Ph, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 06/1/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống với nhau trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, luôn xảy ra xung đột và bất đồng quan điểm. Cả hai bên đều cố gắng cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân. Mặc dù chị

không mong muốn anh H đi nước ngoài nhưng năm 2019 anh H vẫn đi. Vợ chồng từ lâu không liên lạc quan tâm gì tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoan.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Phan Tuấn A – Sinh ngày 22/12/2018, hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng, bà Phan Thị Th (mẹ đẻ anh H) trình bày: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn và sinh sống ở gia đình bà trong thời gian ngắn thì thuê nhà ra chỗ khác sinh sống. Trong cuộc sống vợ chồng anh H, chị L mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, việc làm ăn kinh tế cũng không thống nhất. Năm 2019 anh H đi lao động ở nước ngoài, thỉnh thoảng có gọi điện về thăm gia đình nhưng không nói địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Nay chị L khởi kiện ly hôn anh H, gia đình bà có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình đã thông báo cho anh H biết việc chị L có đơn ly hôn. Anh H có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Trước khi kết hôn với chị L thì anh H cũng đã kết hôn một lần. Do chị L và anh H thuê nhà sinh sống ở nơi khác nên địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phan Văn H; Về con chung: Giao con chung là Phan Tuấn A – Sinh ngày 22/12/2018 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Loan không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phan Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng

thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và gia đình bà Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Hoan ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Th vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo việc chị L đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã thông báo cho anh H biết. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai và đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Loan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 06/1/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, thường xảy ra xung đột. Mặc dù hai bên cũng đã cố gắng cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Năm 2019 chị không đồng ý việc anh H đi nước ngoài lao động nhưng anh vẫn đi. Từ khi anh H đi nước ngoài cho đến nay vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau. Nay cả chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn giữa chị L và anh H cũng được chứng minh qua các lời khai của đương sự, của người làm chứng và chính quyền địa phương. HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Phan Tuấn A – Sinh ngày 22/12/2018 hiện đang sinh sống với chị L. HĐXX xét thấy con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị Loan có chỗ ăn ở ổn định, có công việc và thu nhập nên đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Anh H cũng nhất trí để chị L nuôi con. Do vậy, HĐXX giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu có căn cứ cho rằng chị L không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh H có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị L** ly hôn anh **Phan Văn H**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phan Tuấn A – Sinh ngày 22/12/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phan Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007336 ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

-VKSND tỉnh Hải Dương;

-Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;

-UBND xã B, huyện K (để ghi sổ hộ tịch);

-Các đương sự

-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN